

MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra HKI

- **Nội dung:**

Nửa đầu HKI 25%	+ Chủ đề 1: Giới thiệu về KHTN, dụng cụ đo và an toàn thực hành (7 tiết) + Chủ đề 2: Các phép đo (10 tiết) + Chủ đề 3: Các thể của chất (4 tiết) + Chủ đề 4: Oxygen và không khí (3 tiết) + Chủ đề 7: Tế bào (10 tiết)
Nửa sau HKI 75%	+ Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (11 tiết = Bài 14, 15, 16, 17, 18) + Chủ đề 9: Lực (14 tiết=bài 26, 27, 28, 29)

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:**Kết hợp giữa 40% trắc nghiệm và 60% tự luận.

- **Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng, 10% vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 4,00 điểm,gồm 16 câu hỏi (nhận biết: 3,00 điểm, thông hiểu: 1,00 điểm), mỗi câu 0,25 điểm.

+ Phần tự luận: 6,00 điểm, gồm 12 ý/ 5 câu (nhận biết: 2 ý; thông hiểu: 4 ý; vận dụng: 4 ý; vận dụng cao: 2 ý), mỗi ý 0,50 điểm.

+Kiến thức nửa đầu HKI =25% (2,50 điểm); kiến thức nửa sau HKI =75% (7,50 điểm)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Số ý TL	Số câu TN	
Nửa đầu HKI											
Chủ đề 1: Giới thiệu về KHTN, dụng cụ đo và an toàn thực hành (7 tiết)											
Chủ đề 2: Các phép đo (10 tiết)		1 (0,25)		2 (0,50)					0	3	0,75
Chủ đề 3: Các thể của chất(4 tiết)		2 (0,50)							0	2	0,50
Chủ đề 4: Oxygen và không khí (3 tiết)		1 (0,25)							0	1	0,25
Chủ đề 7: Tế bào (10 tiết)		4 (1,00)							0	4	1,00
Nửa sau HKI											

Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (11 tiết)		2 (0,50)	2 (1,00)	2 (0,50)	1 (0,50)		2 (1,00)		5 (2 câu)	4	3,50
Chủ đề 9: Lực (14 tiết)	2 (1,00)	2 (0,50)	2 (1,00)		3 (1,50)				7 (3 câu)	2	4,00
Số ý TL / Số câu TN	2	12	4	4	4	0	2	0	12	16	
Điểm số	1,00	3,00	2,00	1,00	2,00	0,00	1,00	0,00	6,00	4,00	10,00
Tổng số điểm	4,00		3,00		2,00		1,00		10,00		10,00

BẢN ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL, số câu TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
Chủ đề 1: Giới thiệu về KHTN, dụng cụ đo và an toàn thực hành (7 tiết)						
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên - Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết	- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.				
Chủ đề 2: Các phép đo (10 tiết)						
- Đo chiều dài - Đo khối lượng - Đo thời	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng		1		1

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL, số câu TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
gian - Thang nhiệt độ Celsius – Đo nhiệt độ		trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.		1		2

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL, số câu TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.		1		3
Chủ đề 3: Các thể của chất (4 tiết)						
- Sự đa dạng của chất - Tính chất và sự chuyển thể của chất	Nhận biết	-Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) - Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. - Nêu được chất có trong các vật vô sinh. - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. - Nêu được tính chất vật lý và tính chất hoá học của chất -Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy - Nêu được khái niệm về sự sôi.		1 1		C6 C7

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL, số câu TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		- Nêu được khái niệm về sự bay hơi. - Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. - Nêu được khái niệm về sự đông đặc.				
Chủ đề 4: Oxygen và không khí (3 tiết)						
- Oxygen và không khí	Nhận biết	- Nêu được vai trò của không khí đối với tự nhiên		1		C8
	Thông hiểu	- Trình bày được tầm quan trọng của khí oxygen. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí.				
Chủ đề 7: Tế bào (10 tiết)						
- Tế bào, đơn vị cơ sở của sự sống - Từ tế bào đến cơ thể	Nhận biết	- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.		1 2 1		C9 C10.11 C12
Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (Bài 14, 15, 16, 17, 18 = 11 tiết)						
- Phân loại thế giới sống. - Khóa lưỡng	Nhận biết	- Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học. -Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.		2		C13.14

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL, số câu TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...) - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).	1		20 c	
	Vận dụng cao	- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...	2		21 a,b	
Chủ đề 9: Lực (Bài 26, 27, 28, 29 = 14 tiết)						
– Lực và tác dụng của lực – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. – Ma sát. – Lực cản của nước. – Khối lượng và trọng lượng	Nhận biết	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. - Nêu được đơn vị lực đo lực. - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng)	1 1	1 1	17a 17b	4 5

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL, số câu TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
– Biến dạng của lò xo.		tượng) chịu tác dụng của lực. - Kể tên được ba loại lực ma sát. - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ. - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn. - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. - Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí). - Nêu được khái niệm về khối lượng. - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn. - Nêu được khái niệm trọng lượng. - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện. - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém. - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi.	1		18a	
			1		18b	
	Thông hiểu	- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát. - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát				

[illegible]

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL, số câu TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN
		vật hoặc ngược lại. - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật.				

UBND THỊ XÃ NINH HÒA
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ NINH ĐÔNG

ĐỀ KIỂM TRA HK I NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, lớp 6

Thời gian: 60 phút (Không tính thời gian phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (4,00 điểm)

I. Phân môn Vật lý. (1,25 điểm)

Câu 1. Đơn vị đo độ dài thường dùng là

- A. kilogam B. mét C. lít D. giờ

Câu 2. Khối lượng của một bạn học sinh lớp 6 khoảng bao nhiêu?

- A. 4 kg B. 40kg C. 400kg D. 40 tạ

Câu 3. Nhiệt độ cơ thể người bình thường khỏe mạnh khoảng bao nhiêu?

- A. 35 °C B. 37 °C C. 39 °C D. 42 °C

Câu 4. Đơn vị đo lực là gì?

- A. Mét (m) B. Niu-ton (N) C. Kilogam (Kg) D. Độ C (°C)

Câu 5. Trong các ví dụ sau, ví dụ nào là ví dụ về lực không tiếp xúc?

- A. Lực của chân đá vào quả bóng C. Lực hút quả Quả đất lên mọi vật
B. Lực của tay đẩy cánh cửa D. Lực của trái banh đập vào bức tường

II. Phân môn Hóa học. (0,75 điểm)

Câu 6. Dãy gồm các vật thể tự nhiên là

- A. Con chó, xe máy, con người C. Bánh mì, nước ngọt có gas, cây cối
B. Con sư tử, đồi núi, cây cối D. Cây cam, quả quýt, bánh ngọt

Câu 7. Quá trình thể hiện tính chất hóa học của chất là

- A. Hòa tan muối vào nước. C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển
B. Đun nóng sôi nước. sang đường ở thể lỏng.
D. Gỗ cháy thành than.

Câu 8. Phát biểu *sai* khi nói về vai trò của không khí đối với tự nhiên là

- A. Oxygen cần cho quá trình hô hấp. D. Nitrogen (nitơ) cung cấp một phần dưỡng
B. Oxygen dùng để dập các đám cháy. chất cho sinh vật.
C. Carbon dioxide cần cho sự quang hợp.

III. Phân môn Sinh học. (2,00 điểm)

Câu 9. Thành phần nào dưới đây không có ở tế bào nhân thực?

- A. Màng nhân. B. Vùng nhân. C. Chất tế bào. D. Hệ thống nội màng.

Câu 10. Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

- A. 8. B. 6. C. 2. D. 4

Câu 11. Thành tế bào ở thực vật có vai trò:

- A. tham gia trao đổi chất với môi trường. B. là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
C. quy định hình dạng và bảo vệ tế bào. D. tham gia cấu tạo hệ thống nội màng

Câu 12. Thành phần không thuộc thành phần cấu tạo chính của tế bào là:

- A. màng tế bào. B. thành tế bào. C. tế bào chất. D. nhân/vùng nhân

Câu 13. Để phân loại các sinh vật thành từng nhóm dựa trên những đặc điểm giống và khác nhau của sinh vật người ta sử dụng

- A. khóa lưỡng phân. D. kính lúp.
B. kính hiển vi.
C. tham quan.

Câu 14. Ý nghĩa của việc dùng khóa lưỡng phân là:

- A. xác định được tên các sinh vật.
- B. các sinh vật được chia thành từng nhóm.
- C. xác định được môi trường sống của sinh vật.
- D. tìm ra đặc điểm tương đồng giữa các sinh vật.

Câu 15. Chọn phát biểu sai trong những phát biểu dưới đây:

- A. mèo, thỏ, bò câu đều là sinh vật phân tính.
- B. mèo và thỏ hô hấp bằng phổi, còn bò câu không hô hấp bằng phổi.
- C. mèo, thỏ, bò câu đều sống trên cạn.
- D. mèo và thỏ không biết bay còn bò câu biết bay.

Câu 16. Khóa phân loại được xây dựng nhằm mục đích:

- A. xác định tên của các loài.
- B. xác định tầm quan trọng của loài trong tự nhiên.
- C. xác định đặc điểm giống và khác nhau của mỗi loài.
- D. xác định vị trí phân loại của loài một cách thuận lợi.

B. PHẦN TỰ LUẬN. (6,00 điểm)

I. Phân môn Vật lý. (3.50 điểm)

Câu 17. (1.00 điểm)

- a. Hãy nêu 1 ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ?
- b. Hãy nêu 1 ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật?

Câu 18. (1.00 điểm)

- a. Kể tên các loại lực ma sát mà em biết?
- b. Lấy 1 ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt?

Câu 19. (1.50 điểm)

- a. Trong thực tế lực ma sát nghỉ thúc đẩy chuyển động như thế nào?
- b. Lực ma sát trượt có tác hại gì?
- c. Vì sao các phương tiện vận chuyển có bánh xe làm bằng cao su có khía rãnh sâu?

II. Phân môn Sinh học. (2.50 điểm)

Câu 20. (1.50 điểm)

- a. Thế giới sống được chia thành các giới nào, cho ví dụ.
- b. Nêu tác hại của vi khuẩn.
- c. Vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu?

Câu 21. (1.00 điểm)

- a. Vì sao khi trồng nấm cần tưới đủ nước và phủ ẩm bên ngoài?
- b. Vì sao để phòng bệnh nấm da ở người không dùng chung đồ cá nhân như quần áo, khăn lau mặt,...?

--- HẾT ---

(Đề có 02 trang, giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐÁP ÁN	B	B	B	B	C	B	D	B	B	C	C	B	A	B	B	D

B. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
17a	Dùng chân đá quả bóng đang đứng yên làm quả bóng chuyển động	0.5đ
17b	Dùng tay bẻ cong cây thước làm cây thước biến dạng	0.5đ
18a	Lực ma sát trượt, lực ma sát lăn, lực ma sát nghỉ	0.5đ
18b	Bạn Nam kéo cái bàn di chuyển trên nền nhà khi đó có sự xuất hiện lực ma sát trượt giữa các chân bàn và nền nhà cản trở lại lực kéo của bạn Nam.	0.5đ
19a	Nhờ ma sát nghỉ mà ta có thể đi bộ được mà không bị trượt té.	0.5đ
19b	Lực ma sát trượt cản trở chuyển động, làm mài mòn thiết bị, máy móc...	0.5đ
19c	Các phương tiện vận chuyển có bánh xe làm bằng cao su có khía rãnh sâu để tăng lực ma sát nghỉ giúp các bánh xe không bị trơn trượt khi di chuyển trên đường.	0.5đ
20a	Thế giới sống được chia thành các giới: - Khởi sinh. VD: vi khuẩn, - Nguyên sinh. VD: trùng roi , - Nấm. VD: nấm rơm, - Thực vật. VD: cây lúa, - Động vật. VD: con gà,	0.5đ
20b	Tác hại của vi khuẩn. - Gây thối hỏng thức ăn. VD: cá kho bị ôi thiu,... - Gây bệnh ở người và sinh vật. VD: bệnh lao, thương hàn, uốn ván, viêm phổi ở người,...bệnh bạc lá lúa,..	0.5đ
20c	Thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu vì: khi thức ăn không được bảo quản tốt, thì sẽ bị vi khuẩn đến để ăn chất trong thức ăn và sinh ra độc tố, sẽ làm ôi thiu thức ăn. Ta không nên ăn thức ăn ôi thiu sẽ ảnh hưởng xấu đến hệ tiêu hóa và sức khỏe.	0.5đ
21a	Khi trồng nấm cần tưới nước và phủ ẩm bên ngoài. Vì nấm là sinh vật dị dưỡng, thức ăn của chúng là các chất hữu cơ có trong môi trường và cần đủ nước và độ ẩm thích hợp để sinh sản và phát triển.	0.5đ

21b	Để phòng bệnh nấm da ở người không dùng chung đồ cá nhân như quần áo, khăn lau mặt,... Vì đồ dùng cá nhân có khả năng các bào tử của nấm dính vào đồ dùng nếu dùng chung sẽ lây lan qua cơ thể người khác.	0.5đ
------------	--	-------------